| **TRƯỜNG THCS NGỌC BIÊN**  **TỔ: TOÁN – TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| --- | --- |



**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

**NĂM HỌC: 2022 - 2023**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 12; Số học sinh: 452. Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:128 (lớp 6).**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 07; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 06. Đại học: 01; Trên đại học:.không.

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên :** Tốt: 03 ; Khá: 03; Đạt: 01; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Bài dạy/bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Tập hợp |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Cách ghi số tự nhiên |  |
|  | Thước, nhiệt kế, Máy tính, ti vi. | 1,6,1 | Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên |  |
|  | Máy tính, ti vi, điện thoại thông minh có cài phần mềm Plickers | 1 | Phép cộng và phép trừ số tự nhiên |  |
|  | Máy tính, ti vi, cài phần mềm Plickers | 1 | Phép nhân và phép chia số tự nhiên |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Bàn cờ vua, Máy tính, ti vi, cài phần mềm Plickers | 1 | Lũy thừa với số mũ tự nhiên |  |
|  | MTCT, Máy tính, ti vi. | 1 | Thứ tự thực hiện phép tính |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Bài tập cuối chương I |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Quan hệ chia hết và tính chất |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Dấu hiệu chia hết |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Số nguyên tố |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Ước chung. Ước chung lớn nhất |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Bội chung. Bội chung nhỏ nhất |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Bài tập cuối chương II |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng | 1 | Tập hợp các số nguyên |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Phép cộng và phép trừ số nguyên |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Quy tắc dấu ngoặc |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Phép nhân số nguyên |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Bài tập ôn chương III. |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Ôn tập giữa kì I |  |
|  | Máy tính, ti vi, giấy A4, kéo cắt giấy, thước thẳng, eke, compa | 1, 6 | Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều. |  |
|  | Máy tính, ti vi, giấy A4, kéo cắt giấy, thước thẳng, eke, compa | 1, 6 | Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân. |  |
|  | Máy tính, ti vi., thước thẳng, eke, compa | 1 | Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, eke, compa | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, eke, compa | 1 | Ôn tập cuối chương IV |  |
|  | Máy tính, ti vi, giấy màu, kéo cắt giấy, thước thẳng, eke, compa | 1, 6 | Hình có trục đối xứng |  |
|  | Máy tính, ti vi, giấy màu, kéo cắt giấy, thước thẳng, eke, compa | 1, 6 | Hình có tâm đối xứng |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, eke, compa | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, eke, compa | 1 | Ôn tập chương V |  |
|  | MC, Giấy A4, giấy màu, kéo cắt giấy, thước thẳng, băng dính hai mặt, bút màu | 1, 6 | Tấm thiệp và phòng học của em |  |
|  | Máy tính, ti vi, MT có cài phần mềm GeoGebra Classic 5 | 1 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA |  |
|  | Máy tính, ti vi, MTCT | 1 | Sử dụng máy tính cầm tay |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Ôn tập học kì I |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng. | 1 | Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau. |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng. | 1 | So sánh phân số. Hỗn số dương |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Phép cộng và phép trừ phân số |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Phép nhân và phép chia phân số |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Hai bài toán về phân số |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng. | 1 | Ôn tập chương VI |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Số thập phân |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Tính toán với số thập phân |  |
|  | Máy tính, ti vi, điện thoại thông minh có cài phần mềm Plickers | 1 | Làm tròn và ước lượng |  |
|  | Máy tính, ti vi, điện thoại thông minh có cài phần mềm Plickers | 1 | Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Ôn tập chương VII |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, compa, eke | 1 | Điểm và đường thẳng |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, compa, eke | 1 | Điểm nằm giữa hai điểm. Tia |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, compa, eke | 1 | Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, compa, eke | 1 | Trung điểm của đoạn thẳng |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng. | 1 | Ôn tập giữa kì II |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, compa, eke | 1 | Góc |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, compa, eke, thước đo góc. | 1 | Số đo góc |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, compa, eke, thước đo góc. | 1 | Luyện tập chung |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, compa, eke, thước đo góc. | 1 | Ôn tập chương VIII |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Dữ liệu và thu thập số liệu |  |
|  | Máy tính, ti vi. | 1 | Bảng thống kê và biểu đồ tranh |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng | 1 | Biểu đồ cột |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng, phấn màu | 1 | Biểu đồ cột kép |  |
|  | Máy tính, ti vi, thước thẳng | 1 | Luyện tập chung |  |
| 70 | Máy tính, ti vi, Hộp xúc sắc, một số viên bi, giấy bìa. | 1, 6 | Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm |  |
| 71 | Máy tính, ti vi, giấy bìa. | 1 | Xác suất thực nghiệm |  |
| 72 | Máy tính, ti vi, hộp xúc sắc | 1, 6 | Luyện tập chung |  |
| 73 | Máy tính, ti vi. | 1 | Ôn tập chương IX |  |
| 74 | Máy tính, ti vi. | 1 | Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình |  |
| 75 | Máy tính, ti vi. | 1 | Hoạt động thể thao nào được yêu thích nhất trong hè |  |
| 76 | Máy tính, ti vi., MT có cài phần mềm GeoGebra Classic 5 | 1 | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA |  |
| 77 | Máy tính, ti vi. | 1 | Ôn tập học kì II |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Phòng đa năng | 04 | Phòng đa năng dùng để giảng dạy cho học sinh khối 6;7 |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. **Phân phối chương trình.**

| **STT** | **Bài học/ bài kiểm tra, đánh giá định kì** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KÌ I** | | | | |
| **CHƯƠNG I: TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN** | | | | |
|  | Bài 1: Tập hợp | 1 | - Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó, tập các số tự nhiên và tập các số tự nhiên khác 0 .  - Sử dụng được các kí hiệu về tập hợp.  - Sử dụng được các cách mô tả (cách viết) một tập hợp. |  |
|  | Bài 2: Cách ghi số tự nhiên | 1 | ***-*** Nhận biết được mối quan hệ giữa các hàng và giá trị mỗi chữ số (theo vị trí) trong một số tự nhiên đã cho viết trong hệ thập phân.  - Nhận biết được số La Mã không quá 30 |  |
|  | Bài 3: Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên | 1 | ***-*** Nhận biết được tia số. Nhận biết được thứ tự các số tự nhiên và mối liên hệ với các điểm biểu diễn chúng trên tia số. |  |
|  | Bài 4: Phép cộng và phép trừ số tự nhiên | 1 | - Nhận biết được số hạng, tổng, số bị trừ, số trừ, hiệu.  - Nhận biết được tính chất giao hoán và tính chất kết hợp của phép cộng. |  |
|  | Bài 5: Phép nhân và phép chia số tự nhiên | 2 | - Nhận biết được thừa số, tích; số bị chia, số chia, số dư trong phép chia hết và phép chia có dư.  - Nhậnbiết được tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân ; tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.  - Nhận biết được khi nào trong 1 tích có thể không sử dụng dấu phép nhân (Dấu "x" hoặc dấu ".") |  |
|  | Luyện tập chung | 1 | ***-*** Củng cố và gắn kết các kiến thức từ bài 1 đến bài 5, vận dụng được các kiến thức đã học từ bài 1 – 5 vào giải bài tập. |  |
|  | Bài 6: Lũy thừa với số mũ tự nhiên | 2 | - HS nắm được định nghĩa lũy thừa, phân biệt được cơ số và số mũ.  - HS nắm được công thức nhân hai lũy thừa cùng cơ số.  - HS nắm được công thức chia hai lũy thừa cùng cơ số.  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên. |  |
|  | Bài 7: Thứ tự thực hiện phép tính | 1 | - Nắm được các quy ước về thứ tự thực hiện các phép toán.  - Biết vận dụng các quy ước trên để tính đúng giá trị của biểu thức. |  |
|  | Luyện tập chung | 1 | - Củng cố kiến thức bài 8 &9 và rèn luyện cho HS các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tế. |  |
|  | Bài tập cuối chương I | 1 | Củng cố kiến thức từ Bài 1 đến Bài 7, rèn luyện cho HS các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |  |
| **CHƯƠNG II. TÍNH CHIA HẾT TRONG TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN** | | | | |
|  | Bài 8: Quan hệ chia hết và tính chất | 2 | - Nhận biết quan hệ chia hết và nắm được các khái niệm về ước, bội, kí hiệu và và các tính chất chia hết của một tổng. |  |
|  | Bài 9: Dấu hiệu chia hết | 2 | - Nhận biết được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho cả 2 và 5. Nhận biết được một số có chia hết cho 2, cho 5, cho cả 2 và 5.  - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5,cho cả 2 và 5 để xác định một số, một tổng, hiệu chia hết cho 2, cho 5, cho cả 2 và 5. |  |
|  | Bài 10: Số nguyên tố | 2 | - Nhận biết được các khái niệm về số nguyên tố và hợp số.  - Nhận biết được số nguyên tố, hợp số.  - Bước đầu biết vận dụng số nguyên tố vào giải quyết vấn đề thực tiễn |  |
|  | Luyện tập chung | 1 | ***-*** Củng cố và gắn kết các kiến thức từ bài 8 đến bài 10, vận dụng được các kiến thức đã học từ bài 8 đến bài 10 vào giải bài tập. |  |
|  | Bài 11: Ước chung. Ước chung lớn nhất | 2 | - Nhận biết được các khái niệm mới về ước chung, ước chung lớn nhất, phân số tối giản và cách tìm chúng.  - Xác đinh được ước chung, ước chung lớn nhất của hai số hoặc ba số tự nhiên đã cho.  - Rút gọn được phân số về phân số tối giản |  |
|  | Bài 12: Bội chung. Bội chung nhỏ nhất | 2 | - HS biết tìm bội chung của hai hay nhiều số bằng cách liệt kê các ước rồi tìm các phần tử chung của hai tập hợp.  - HS biết tìm bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố, từ đó biết cách tìm các bội chung của hai hay nhiều số.  - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để qui đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số. |  |
|  | Luyện tập chung | 1 | - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  - Tìm ƯCLN và BCNN.  - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thực tiễn. |  |
|  | Bài tập cuối chương II | 1 | - Củng cố kiến thức từ Bài 8 đến Bài 12, rèn luyện cho HS các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |  |
| **CHƯƠNG III. SỐ NGUYÊN** | | | | |
|  | Bài 13: Tập hợp các số nguyên | 2 | - Nhận biết được số nguyên dương (số dương), số nguyên âm (số âm) và ý nghĩa của chúng trong đời sống thực tế.  - Nhận biết được tập hợp các số nguyên và thứ tự trong . |  |
|  | Bài 14: Phép cộng và phép trừ số nguyên | 3 | - Quy tắc cộng, trừ số nguyên, tính chất phép cộng, trừ số nguyên.  - Một số bài toán thực tiễn liên quan đến phép cộng, trừ số nguyên. |  |
|  | Bài 15: Quy tắc dấu ngoặc | 1 | - Nhận biết được quy tắc dấu ngoặc  - Vận dụng được quy tắc dấu ngoặc để biến đổi một biểu thức gồm phép cộng và phép trừ khi tính toán. |  |
|  | Luyện tập chung | 2 | - Củng cố kiến thức Bài 13 đến Bài 15, rèn luyện cho HS các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |  |
|  | Bài 16: Phép nhân số nguyên | 2 | ***-*** Nhận biết được quy tắc nhân hai số nguyên.  - Nhận biết được các tính chất của phép nhân số nguyên. |  |
|  | Bài 17: Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên | 1 | ***-*** Nhận biết được quan hệ chia hết trong tập hợp các số nguyên.  - Nhận biết được khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. |  |
|  | Luyện tập chung | 2 | - Củng cố kiến thức Bài 16 đến Bài 17, rèn luyện cho HS các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |  |
|  | Bài tập ôn chương III. | 1 | ***-*** Tổng hợp, kết nối các kiến thức của nhiều bài học nhằm giúp HS ôn tập toàn bộ kiến thức của chương.  - Giúp HS củng cố, khắc sâu những kiến thức đã học. |  |
|  | Ôn tập giữa kì I | 1 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương I, chương II, chương III. |  |
|  | Kiểm tra giữa kì I | 2 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương I, chương II, chương III. |  |
| **CHƯƠNG IV. MỘT SỐ HÌNH PHẲNG TRONG THỰC TIỄN** | | | | |
|  | **Bài 18:** Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều. | 3 | ***-*** Nhận dạng các hình trong bài.  - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều (cạnh, góc, đường chéo). |  |
|  | **Bài 19:** Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân. | 3 | ***-*** Nhận dạng các hình trong bài.  - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân |  |
|  | **Bài 20:** Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học | 3 | ***-*** Hiểu cách tính chu vi, diện tích của một số tứ giác.  - Nhớ được công thức tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, tính diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang. |  |
|  | Luyện tập chung | 2 | - Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học.  - Nắm vững công thức tính chu vi và diện tích của các tứ giác đã học.  - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.  Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang. |  |
|  | Ôn tập cuối chương IV | 1 | - Củng cố, tổng hợp kiến thức từ Bài 18 đến Bài 20, rèn luyện cho HS các kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích của các tứ giác gắn với các bài tập thực tế. |  |
| **CHƯƠNG V. TÍNH ĐỐI XỨNG CỦA HÌNH PHẲNG TRONG TỰ NHIÊN (7 tiết)** | | | | |
|  | **Bài 21:** Hình có trục đối xứng | 2 | - Nhận biết hình có trục đối xứng.  - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.  - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản. |  |
|  | **Bài 22:** Hình có tâm đối xứng | 2 | - Nhận biết hình có tâm đối xứng.  - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản.  - Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản. |  |
|  | Luyện tập chung | 2 | - Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng.  - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.  - Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng (đơn giản) từ một phần cho trước. |  |
|  | Ôn tập chương V | 1 | - Củng cố lại kiến thức và kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán cụ thể. |  |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM** | | | | |
|  | Tấm thiệp và phòng học của em | 2 | - Ứng dụng các kiến thức đã học về các hình phẳng trong thực tiễn vào giải quyết một số tình huống trong cuộc sống như mĩ thuật, thủ công, xác định phòng học đạt mức chuẩn về ánh sáng,... |  |
|  | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA | 2 | - Sử dụng phần mềm GeoGebra để vẽ các hình đơn giản như điểm, đoạn thẳng, góc, ... đến hình đẹp như tam giác đều, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn,... và đặc biệt là các hình có tính chất đối xứng. |  |
|  | Sử dụng máy tính cầm tay | 1 | - Sử dụng máy tính cầm tay để thực hành các phép tính đã học với số tự nhiên, số nguyên, số thập phân. |  |
|  | Ôn tập cuối kì I | 2 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương I, chương II, chương III, chương IV, chương V. |  |
|  | Kiểm tra cuối kì I | 2 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương I, chương II, chương III, chương IV, chương V. |  |
| **HỌC KÌ II** | | | | |
| **CHƯƠNG VI. PHÂN SỐ** | | | | |
|  | **Bài 23**:Mở rộng phân số. Phân số bằng nhau. | 2 | * - Nhận biết phân số với tử và mẫu là các số nguyên. * - Nhận biết hai phân số bằng nhau, quy tắc bằng nhau của hai phân số. * - Nêu và áp dụng hai tính chất cơ bản của phân số.   - Rút gọn phân số |  |
|  | **Bài 24:**So sánh phân số. Hỗn số dương | 2 | - Quy đồng mẫu nhiều phân số.  - So sánh hai phân số.  - Nhận biết hỗn số dương.  - Vận dụng giải các bài toán thực tiễn có liên quan. |  |
|  | Luyện tập chung | 3 | Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về:  - Quy tắc bằng nhau của hai phân số; tính chất cơ bản của phân số.  - Quy đồng mẫu nhiều phân số;  - Rút gọn phân số;  - So sánh phân số;  - Hỗn số dương;  - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn. |  |
|  | **Bài 25:** Phép cộng và phép trừ phân số | 2 | - Thực hiện phép cộng, trừ phân số.  - Vận dụng các tính chất của phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tính toán.  - Nhận biết số đối của một phân số.  - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan. |  |
|  | **Bài 26:** Phép nhân và phép chia phân số | 2 | - Nhận biết phân số nghịch đảo của một phân số khác 0.  - Thực hiện phép nhân, chia phân số.  - Vận dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. |  |
|  | **Bài 27:** Hai bài toán về phân số | 1 | - Tìm giá trị phân số của một số cho trước.  - Tìm một số biết giá trị phân số của nó.  Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với hai bài toán về phân số. |  |
|  | Luyện tập chung | 2 | - Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về:  - Phép cộng và phép trừ hai phân số.  - Phép nhân và phép chia hai phân số.  - Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính.  - Tính giá trị của biểu thức chứa chữ.  - Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn. |  |
|  | Ôn tập chương VI | 1 | - Củng cố lại kiến thức và kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán tổng hợp cuối chương. |  |
| **CHƯƠNG VII. SỐ THẬP PHÂN** | | | | |
|  | **Bài 28:** Số thập phân | 1 | - Nhận biết số thập phân âm, số đối của một số thập phân.  - So sánh hai số thập phân.  - Sử dụng số thập phân trong một số tình huống thực tiễn. |  |
|  | **Bài 29:** Tính toán với số thập phân | 4 | - Thực hiện phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.  - Vận dụng các tính chất của phép tính trong tính toán.  - Giải quyết một số bài toán thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân. |  |
|  | **Bài 30:** Làm tròn và ước lượng | 1 | - Làm tròn số thập phân.  - Ước lượng kết quả phép đo, phép tính.  - Vận dụng làm tròn số thập phân trong một số tình huống thực tiễn. |  |
|  | **Bài 31:**Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm | 2 | - Tính tỉ số hay tỉ số phần trăm của hai số, hai đại lượng.  - Tính giá trị phần trăm của một số cho trước. Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tỉ số, tỉ số phần trăm. |  |
|  | Luyện tập chung | 2 | - Củng cố kiến thức Bài 28 đến Bài 31, rèn luyện cho HS các kĩ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài tập và các vấn đề thực tiễn. |  |
|  | Ôn tập chương VII | 1 | - Củng cố lại kiến thức, hệ thống được các nội dung đã học trong chương và kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán có nội dung tổng hợp, liên kết các kiến thức học trong các bài học khác nhau. |  |
| **CHƯƠNG VIII. NHỮNG HÌNH HỌC CƠ BẢN** | | | | |
|  | **Bài 32:**Điểm và đường thẳng | 3 | - Nhận biết các quan hệ: Điểm thuộc đường thẳng, đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt, ba điểm thẳng hàng.  - Nhận biết hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song.  - Giải các bài toán thực tiễn có liên quan. |  |
|  | **Bài 33:**Điểm nằm giữa hai điểm. Tia | 2 | - Nhận biết các khái niệm tia, hai tia đối nhau.  - Nhận biết điểm nằm giữa hai điểm.  - Giải các bài toán thực tế có liên quan. |  |
|  | **Bài 34:**Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng | 2 | - Nhận biết đoạn thẳng.  - Biết đo độ dài đoạn thẳng.  - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài đoạn thẳng. |  |
|  | **Bài 35:**Trung điểm của đoạn thẳng | 1 | - Nhận biết các khái niệm tia, hai tia đối nhau.  - Nhận biết điểm nằm giữa hai điểm.  - Giải các bài toán thực tế có liên quan. |  |
|  | Luyện tập chung | 2 | - Nhận biết đoạn thẳng.  - Biết đo độ dài đoạn thẳng.  - Giải các bài toán thực tế có liên quan đến đoạn thẳng và độ dài đoạn thẳng. |  |
|  | Ôn tập giữa kì II | 1 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương VI, VII, chương VIII (Đến hết bài 35). |  |
|  | Kiểm tra giữa kì II | 2 | - Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương VI, VII, chương VIII (Đến hết bài 35). |  |
|  | Bài 36:Góc | 2 | - Nhận biết góc, đỉnh và cạnh của góc.  - Nhận biết góc bẹt.  - Nhận biết điểm trong của một góc. |  |
|  | Bài 37:Số đo góc | 2 | - Nhận biết được khái niệm số đo góc.  - Nhận biết được các góc đặc biệt ( góc vuông, góc nhọn, góc tù). |  |
|  | Luyện tập chung | 1 | - Nắm vững kiến thức về: Góc, điểm trong của góc, số đo góc, các góc đặc biệt.  - Đọc đúng tên góc, đỉnh, cạnh của góc.  - Đo được góc cho trước. |  |
|  | Ôn tập chương VIII | 1 | - Củng cố lại kiến thức, hệ thống được các nội dung đã học trong chương và kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán có nội dung tổng hợp và vận dụng có liên quan. |  |
| **CHƯƠNG IX. DỮ LIỆU VÀ XÁC SUẤT THỰC NGHIỆM** | | | |  |
|  | Bài 38:Dữ liệu và thu thập số liệu | 2 | - Nhận biết các loại dữ liệu.  - Nhận biết tính hợp lí của dữ liệu.  - Thu thập dữ liệu. |  |
|  | Bài 39:Bảng thống kê và biểu đồ tranh | 2 | - Đọc và phân tích dữ liệu từ bảng thống kê, biểu đồ tranh.  - Biểu diễn dữ liệu vào bảng thống kê, biểu đồ tranh. |  |
|  | Bài 40:Biểu đồ cột | 2 | - Vẽ biểu đồ cột từ bảng thống kê cho trước.  - Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột.  - Nhận ra vấn đề hoặc quy luật đơn giản từ việc phân tích biểu đồ cột. |  |
|  | Bài 41:Biểu đồ cột kép | 2 | - Vẽ biểu đồ cột kép; Đọc và mô tả dữ liệu từ biểu đồ cột kép.  - Nhận ra quy luật đơn giản từ biểu đồ cột kép. |  |
|  | Luyện tập chung | 2 | - Học sinh hiểu được sơ bộ các bước để phân tích dữ liệu cũng như ôn tập được các kiến thức, kĩ năng vừa được học trong 4 bài thống kê (Từ bài 38 đến bài 41) |  |
|  | Bài 42:Kết quả có thể và sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm | 2 | - Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi, thí nghiệm.  - Liệt kê các kết quả có thể xảy ra trong các trò chơi, thí nghiệm đơn giản.  - Nhận biết một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có xảy ra hay không. |  |
|  | Bài 43:Xác suất thực nghiệm | 1 | - Nhận biết được khả năng xảy ra một sự kiện.  - Biểu diễn khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm. |  |
|  | Luyện tập chung | 1 | - Học sinh hiểu được sơ bộ các bước để phân tích dữ liệu cũng như ôn tập được các kiến thức, kĩ năng vừa được học trong 2 bài thống kê ( bài 42 và bài 43) |  |
|  | Ôn tập chương IX | 2 | - Củng cố lại kiến thức, hệ thống được các nội dung đã học trong chương và kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán có nội dung tổng hợp. |  |
| **HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH TRẢI NGHIỆM** | | | | |
|  | Kế hoạch chi tiêu cá nhân và gia đình | 1 | - Giúp HS làm quen với việc xây dựng một kế hoạch đơn giản về tài chính.  - Áp dụng được các kiến thức về tỉ số phần trăm vào những vấn đề cụ thể trong đời sống.  - Giáo dục ý thức chi tiêu có kế hoạch. |  |
|  | Hoạt động thể thao nào được yêu thích nhất trong hè | 2 | - Thông qua hoạt động trải nghiệm, học sinh luyện tập được một số kĩ năng:  - Đặt câu hỏi nghiên cứu, lập bảng hỏi, thu thập và tổ chức dữ liệu với bảng thống kê.  - Biểu diễn và phân tích dữ liệu với các loại biểu đồ tranh, cột, cột kép và bảng thống kê đã học. |  |
|  | Vẽ hình đơn giản với phần mềm GEOGEBRA | 2 | - Vẽ những hình có trục đối xứng, hình có tâm đối xứng bằng phần mềm GeoGebra. |  |
|  | Ôn tập cuối kì II | 2 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương VI, chương VII, chương VIII, chương IX. |  |
|  | Kiểm tra cuối kì II | 2 | Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương VI, chương VII, chương VIII, chương IX. |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

*(4) Thời gian, thời điểm làm bài kiểm tra, đánh giá; hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giữa học kỳ I** | **90 phút** | **Tuần 10** | Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương I và Chương II, chương IV. | Viết trên giấy |
| **Cuối học kỳ I** | **90 phút** | **Tuần 18** | Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương I, chương II, chương III, chương IV, chương V. | Viết trên giấy |
| **Giữa học kỳ II** | **90phút** | **Tuần 28** | Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương VI, VII, chương VIII ( Đến hết tiết 35). | Viết trên giấy |
| **Cuối học kỳ II** | **90 phút** | **Tuần 35** | Đáp ứng yêu cầu cần đạt Chương VI, chương VII, chương VIII, chương IX. | Viết trên giấy |

(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.

(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.

(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).

(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

\* Phân công giáo viên thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo cho học sinh yếu.

\* Xây dựng các kế hoạch cá nhân phải chi tiết, cụ thể để đưa vào hoạt động. Cuối tháng phải đánh giá kế hoạch để điều chỉnh kịp thời (nếu có).

\* Ôn tập và bồi dưỡng học sinh giỏi môn Toán:

- Tập hợp và ôn tập về số tự nhiên. Các bài toán về số tự nhiên

- Các dạng toán và phương pháp chứng minh chia hết.

- Chuyên đề về ước chung và bội chung

- Tìm số tận cùng. Số nguyên tố, hợp số.

- Các bài toán về lũy thừa số tự nhiên. Số chính phương. Tính tổng theo quy luật

- Các dạng toán về phân s

- Bất đẳng thức và tìm GTLN-GTNN

- Các dạng bài toán về phân số. Bài toán về tỉ số phần trăm.

- Các dạng toán về số thập phân.

- Các dạng toán về dữ liệu và xác suất.

- Các dạng bài toán về góc, số đo góc, trung đểm của đoạn thẳng, diên tích – chu vi của đa giác.

| **P. HIỆU TRƯỞNG**  **Trương Thanh Hiền** | *Ngọc Biên, ngày …. tháng .... năm 2022*  **TỔ TRƯỞNG**  **Lê Kim Tiến** |
| --- | --- |